

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 02 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Minh V, sinh 1993
Địa chỉ: 000/F, ấp 1, xã 2, huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Lê Thị Thu Y, sinh 1995
Địa chỉ: số 001, khóm 3, thị trấn 4, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày, Biên bản phiên họp ngày 15/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh V trình bày:*

Anh V, chị Y xác lập mối quan hệ vợ chồng năm 2016, anh chị tự nguyện kết hôn, không bị cưỡng ép kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã 5, huyện 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn được cấp vào sổ số: 38/2017/GCNKH ngày 23/02/2017. Sau khi kết hôn Anh V, chị Y sống chung nhà với cha mẹ Anh V tại xã 5, huyện 6. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hợp nhau và ly thân vào tháng 02/2021. Từ khi ly

thân cho đến nay anh chị có điện thoại trao đổi nhau để hòa giải đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không được.

Nay Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lê Thị Thu Y vì không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con, họ và tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 13/01/2018, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 31/8/2019 hiện 02 cháu đang chung sống với chị Y. Anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuấn A đến tuổi thành niên, giao cháu Bảo N cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tuấn A.

Tại phiên tòa Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 13/01/2018, giao cháu Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 31/8/2019 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu chị Y cấp dưỡng cho cháu Bảo N.

Hiện nay Anh V đang hợp đồng lao động tại công ty TNHH KONG TEA tại số 29/3D Nguyễn Hữu Cầu, ấp Vạn Hạnh, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 14.000.000 đồng, nhưng trừ đi chi phí sinh hoạt cá nhân 3.000.000 đồng / tháng và tích lũy được 11.000.000 đồng /tháng để nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai, cũng không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Lê Thị Thu Y trình bày: Thống nhất lời trình bày của Anh V.* Chị Y, Anh V xác lập mối quan hệ vợ chồng năm 2016, anh chị tự nguyện kết hôn, không bị cưỡng ép kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã 5, huyện 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn được cấp vào sổ số:38/2017/GCNKH ngày 23/02/2017. Sau khi kết hôn Anh V, chị Y sống chung với nhà với cha mẹ Anh V tại xã 5, huyện 6, Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hợp nhau và ly thân vào tháng 02/2021. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị có điện thoại trao đổi nhau để hòa giải đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không được.

Nay chị Y thống nhất ly hôn với Anh V vì không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con, họ và tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 13/01/2018, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 31/8/2019 hiện 02 cháu đang chung sống với chị Y. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuấn A, cháu Bảo N đến tuổi thành niên, không yêu cầu Anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tuấn A, Bảo N.

Hiện nay chị Y làm nghề mua bán trái cây và mở dịch vụ cầm đồ, mở tiệm nail. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng, nhưng trừ đi chi phí sinh hoạt cá nhân 5.000.000 đồng / tháng và tích lũy được 15.000.000 đồng /tháng để nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai, cũng không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

-Áp dụng khoản 1 Điều 55; 58; khoản 1,2 Điều 81; 1,2,3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

-Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh V với chị Lê Thị Thu Y;

-Về con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 13/01/2018, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 31/8/2019 cho chị Y được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên; nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét giải quyết, do chị Y không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Y cư trú tại số 000, khóm 3, thị trấn 4, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh V, chị Y xác lập mối quan hệ vợ chồng năm 2016, anh chị tự nguyện kết hôn, không bị cưỡng ép kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã 5, huyện 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn được cấp vào sổ số: 38/2017/GCNKH ngày 23/02/2017. Việc kết hôn giữa Anh V, chị Y là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh V, chị Y đều xác định: Trong thời gian chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay,

vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Anh V, chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa Anh V chị Y đều thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó chấp nhận chấp thuận tình ly hôn của Anh V với chị Thu Y theo khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh V, chị Y chung sống có 02 người con, họ và tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 13/01/2018, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 31/8/2019 hiện 02 cháu đang chung sống với chị Y. Anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuấn A đến tuổi thành niên, giao cháu Bảo N cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chị Y không tổng nhất giao con cho Anh V nuôi dưỡng mà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành, chị Y không yêu cầu Anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Anh V, chị Y ly thân đến nay cháu Bảo N, cháu Tuấn A đang sống với chị Y. Chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bảo N, cháu Tuấn A đến khi thành niên.

Xét thấy, từ lúc Anh V, chị Y ly thân cho đến nay, cháu N, cháu Tuấn A cùng sống chung với chị Y. Anh V yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bảo N. Tuy nhiên, cháu Tuấn A dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ người mẹ, Đồng thời để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu Bảo N và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Y. Giao cháu Bảo N, Tuấn A cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Y trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở Anh V không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81; khoản 1, 2, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh V, chị Y xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh V phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 55, Điều 58, Điều 69, Điều 81, khoản 1, 2, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh V.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh V và chị Lê Thị Thu Y thống nhất thuận tình ly hôn cùng nhau.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 13/01/2018, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 31/8/2019 cho chị Y được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Y cùng các thành viên gia đình không cản trở Anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh V, chị Y không yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038145 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Lê Thị Thu Y không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Thới Tam Thôn;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Kim Trinh